

Bản án số: 35 /2023/DS-ST

Ngày: 25 -05 -2023

“ V/v tranh chấp hợp mua bán tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Chiếu
2. Bà Phạm Thị L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lan - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Văn L**, sinh năm 1952(Vắng)
Địa chỉ: ấp 2 Cầu Sắt, xã Bình Thới, huyện B, tỉnh E.
Ông Trần Văn L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Diễm Ch, Nguyễn Thị Loan Th tham gia tố tụng (Có mặt).
2. Bị đơn: **Trần Trung Q**, sinh năm 1981(có mặt)
Địa chỉ : ấp 2 Cầu Sắt, xã Bình Thới, huyện B, tỉnh E.
3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:
Trần Bé B1, sinh năm 1952(Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ : ấp 2 Cầu Sắt, xã Bình Thới, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/07/2022, biên bản hòa giải ngày 05/05/2023, Văn bản giải trình ngày 24/02/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị*

Loan Thảo là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày như sau:

Vào Năm 2019 ông Trần Trung Q có mua thuốc, hóa chất và thức ăn thủy sản nuôi tôm của ông Trần Văn L. Hình thức mua bán là thiếu nợ gói đầu, kết thúc mùa vụ ông Q sẽ trả tiền cho ông L. Đến năm 2022 thì ông Q không mua thức ăn của ông L nữa. Vào ngày 20/06/2022 thì ông Q ký tên xác nhận còn nợ ông L số tiền là 59.764.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Số tiền này cho đến nay ông Q chưa trả cho ông L.

Vì vậy, nay ông L yêu cầu ông Trần Trung Q và ông Trần Bé B1 liên đới trả lại số tiền nợ là 59.764.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm từ ngày 20/06/2022 cho đến ngày xét xử.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2022, biên bản hòa giải ngày 05/05/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Trung Q trình bày:*

Ông không có mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm với ông Trần Văn L. B1 của ông là ông Trần Bé B1 là người nuôi tôm và trực tiếp mua nhận hàng hóa của ông Trần Văn L. Ông là con ông Bé B1 đi làm ăn xa không có ở địa phương trên 10 năm nay. Do cha của ông nuôi tôm thua lỗ nên ông trả nợ thay cho cha ông, thực chất ông không có nợ tiền thức ăn của ông L. Sở dĩ tờ giấy ngày 20/06/2022 có chữ ký “Q” là do ông lãnh trả nợ thay cha ông nên ông ký trả thay. Thực chất ông không có mua thức ăn của ông Trần Văn L, hàng hóa giao nhận hàng ngày cha ông mua và nhận. Qua yêu cầu của ông L ông không đồng ý tiếp tục trả nợ cho ông L nữa, khoản nợ còn lại ông để cha của ông tự trả cho ông L. Ông yêu cầu ông L phải xuất trình sổ gốc (sổ lớn) kết nợ lại và trừ 4% theo thỏa thuận và trừ số thức ăn mới Thiên B1ng bị rã, hư còn lại B1o nhiều thì đồng ý trả cho ông L.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2022, biên bản hòa giải ngày 05/05/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bé B1 trình bày:*

Ông là người trực tiếp nuôi tôm, và trực tiếp mua thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm với ông L. Khoản nợ tiền thức ăn của L là của ông không liên quan đến con trai ông là Trần Trung Q. Ông thừa nhận còn nợ ông L 59.764.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Qua yêu cầu của ông Trần Văn L ông không đồng ý trả ông L số tiền 59.764.000 đồng. Khi nào ông L khấu trừ 4% theo thỏa thuận và xuất trình sổ gốc (sổ lớn) kết nợ thì ông mới đồng ý trả nợ cho ông L.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền L nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối

với vi phạm của Thẩm phán không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 430, 124, 357, 370, 440 và 468 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Bé B1 phải trả cho ông Trần Văn L số tiền 59.764.000 đồng và lãi 10%/năm từ ngày 20/6/2022 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn từ chối tham gia đối chất ngày 14/02/2023, đây là yêu cầu phù hợp nên vụ án không tiến hành đối chất giữa các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Trần Văn L yêu cầu ông Trần Trung Q, ông Trần Bé B1 liên đới trả lại tiền mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm là 59.764.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với ông Trần Bé B1 thì ông thừa nhận có mua thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm của ông L và còn nợ ông L là 59.764.000 đồng, lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố dân sự nên được ghi nhận.

Đối với ông Trần Trung Q thì ông L căn cứ vào giấy nợ ngày 20/06/2022 để khởi kiện ông Trần Trung Q liên đới cùng ông Trần Bé B1. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy ông Q thừa nhận chữ ký trong giấy nợ ngày 20/06/2022 là của ông nhưng thực chất là ông ký trả nợ thay cho cha ông là Trần Bé B1; ông Q trả dần và đến nay còn nợ lại 59.764.000 đồng, ông không có mua hàng hóa của ông L, cũng không có nuôi tôm, ông bỏ địa phương đi làm ăn xa hơn 10 năm. Tòa án đã yêu cầu L giao nộp tài liệu chứng cứ thể hiện ông Q có giao dịch mua bán, giao nhận hàng nhưng ông L không thực hiện. Vì vậy, không có đủ cơ sở kết luận ông Q nợ tiền thức ăn nuôi tôm của ông L. Tại phiên tòa ông Q không đồng ý tiếp tục trả nợ thay cho ông Trần Bé B1 vì đây là khoản nợ giữa ông Bé B1 và ông L. Xét thấy, việc chuyển giao nghĩa vụ từ ông Bé B1 sang ông Q phải có sự thỏa thuận, đồng ý giữa các bên theo quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự 2015. Nay ông Q không đồng ý tiếp tục trả nợ thay cho ông Trần Bé B1 là phù hợp được chấp nhận nên ông Trần Trung Q không có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Trần Văn L.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần. Cụ thể, buộc ông Trần Bé B1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L số tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm là 59.764.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

[3] Về lãi suất: Ngoài yêu cầu trả vốn, ông L còn yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên với mức lãi suất là 10%/năm. Xét thấy, đây là yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Từ ngày 20/06/2022 đến ngày 25/05/2023 là 11 tháng 05 ngày như vậy lãi suất phải trả là 59.764.000 đồng x 10%/năm x 11 tháng 05 ngày = 5.561.372 đồng (Năm triệu năm trăm sáu mươi một nghìn B1 trăm bảy mươi hai đồng).

Như vậy, tổng số tiền ông Trần Bé B1 phải trả cho ông Trần Văn L là 65.325.372 đồng (Sáu mươi lăm triệu B1 trăm hai mươi lăm nghìn B1 trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền vốn là 59.764.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi suất là 5.561.372 đồng (Năm triệu năm trăm sáu mươi một nghìn B1 trăm bảy mươi hai đồng).

[4] Về thỏa thuận chiết khấu: Ông Trần Bé B1, ông Trần Trung Q cho rằng khi mua bán hai bên có thỏa thuận về việc chiết khấu 4% khi thanh toán nợ cho ông L. Ông Trần Bé B1, ông Trần Trung Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh đối với thỏa thuận chiết khấu 4% trên tổng số tiền mua bán nên ý kiến của ông Q, ông Bé B1 là không có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Ông Trần bé B1 xin miễn án phí do cao tuổi đây là yêu cầu phù hợp nên được chấp nhận. Ông Trần Bé B1 được miễn án phí.

Ông Trần Văn L được miễn nộp số tiền tạm ứng án phí do cao tuổi.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, Khoản 1 Điều 370, khoản 3 Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L đối với ông Trần Bé B1, ông Trần Trung Q về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Văn L đối với ông Trần Trung Q về yêu cầu liên đới cùng ông Trần Bé B1 trả nợ tiền thức ăn thủy sản nuôi tôm.

2/ Buộc ông Trần Bé B1 có nghĩa vụ phải trả cho ông Trần Văn L số tiền nợ

thức ăn thủy sản nuôi tôm là 65.325.372 đồng (Sáu mươi lăm triệu B1 trăm hai mươi lăm nghìn B1 trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền vốn là 59.764.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi suất là 5.561.372 đồng (Năm triệu năm trăm sáu mươi một nghìn B1 trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà ông Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Bé B1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Bé B1 được miễn án phí do cao tuổi.

Ông Trần Văn L được miễn nộp số tiền tạm ứng án phí do cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ông Trần Văn L, bị đơn ông Trần Trung Q, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bé B1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm)ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương